

THỰC TRẠNG LƯU HỌC SINH LÀM THÊM TẠI NHẬT BẢN

PHAN CAO NHẬT ANH*

Tóm tắt: Trong những năm trở lại đây, số lượng lưu học sinh tại Nhật Bản gia tăng mạnh mẽ do chính sách thu hút học sinh, sinh viên của Nhật Bản. Bên cạnh việc học tập, các lưu học sinh còn tham gia làm thêm để đảm bảo cuộc sống đắt đỏ tại Nhật. Lưu học sinh chủ yếu tham gia vào các công việc dịch vụ, lĩnh vực không đòi hỏi chuyên môn quá cao. Có thể cho rằng lưu học sinh là một nguồn lao động bổ sung sự thiếu hụt nhân lực trong xã hội Nhật Bản hiện nay.

Từ khóa: Nhật Bản, Lưu học sinh, Làm thêm, Lao động, Nguồn nhân lực

1. Số lượng lưu học sinh tại Nhật Bản gia tăng

Trong vài thập kỷ trở lại đây, số lượng lưu học sinh tại Nhật Bản gia tăng liên tục. Tại thời điểm tháng 5 năm 2004, thống kê cho thấy có 117.302 lưu học sinh đang học tập tại Nhật Bản. Con số này tiếp tục có xu hướng gia tăng trong thời gian tới. So sánh với 500.000 lưu học sinh tại Mỹ thì số lượng người học tập tại Nhật Bản không phải là nhiều, nhưng nếu biết rằng năm 1983 mới chỉ có 10.000 lưu học sinh tại Nhật thì rõ ràng đây là sự gia tăng rất đáng kể. Lý giải cho quá trình gia tăng mạnh mẽ này, câu trả lời chuẩn xác nhất là do chính sách của Chính phủ Nhật Bản. Năm 1983, Nhật Bản đã đề ra kế hoạch tiếp nhận 10.000 lưu học sinh, và kế hoạch này đạt được sau 20 năm. Cụ thể là năm 2003, số lượng lưu học sinh đã vượt qua 10.000 người¹.

Nhiều nhà nghiên cứu khi đến Nhật Bản tỏ ra ngỡ ngàng bởi mặc dù có số lượng lưu học sinh lớn đến như vậy nhưng không nhận thấy họ trên đường phố. Lý giải thực tế này, có thể đưa ra 4 lý do sau:

Khoảng 80% lưu học sinh là người Trung Quốc và Hàn Quốc, nếu chỉ nhìn bề ngoài những lưu học sinh này thì khó mà có thể nhận biết được. Từ nét mặt đến trang phục đều có nhiều điểm tương đồng với người Nhật Bản.

Tại các trường đại học, phần lớn lưu học sinh là học viên bậc thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Công việc chủ yếu của họ là tự tìm hiểu theo hướng dẫn của giáo sư trong trường mà không nhất thiết phải ngày nào cũng đến lớp học.

Đối với những lưu học sinh không được nhận học bổng toàn phần hoặc tự phí, thì làm thêm là một phần tất yếu trong cuộc sống thường nhật của họ. Ngay sau khi kết thúc giờ học, họ lập tức đến nơi làm thêm và vì vậy hiếm khi thấy họ đi lại nhàn nhã trong

* ThS, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

¹ 日本に住む外国人留学生 Q&A, p.28.

trường hoặc tham gia các hoạt động ngoại khóa.

Những lưu học sinh có gia đình sẽ chú trọng việc dành thời gian cho gia đình. Sống tại đất khách quê người, ít người thân, gia đình luôn mong chờ họ về sau khi kết thúc giờ học.

Xem xét sự phân bố lưu học sinh theo các trường đại học, có thể nhận thấy hầu hết các trường số lượng lưu học sinh đều tăng so với năm trước, trong đó trường Đại học Waseda là nơi có nhiều người nước ngoài theo học nhất.

Bảng 1: Số lượng lưu học sinh của 20 trường đại học năm 2010 (trong ngoặc là số liệu năm 2009)

TT	Trường đại học	Số người	TT	Trường đại học	Số người
1	Waseda	3.568 (3.114)	11	Kokusikan	1.311 (1.345)
2	Ritsumeikan Asian Taiheiyō	2.921 (2.786)	12	Nihon	1.264 (1.091)
3	Tokyo	2.772 (2.473)	13	Tokyo Kogyō	1.247 (1.149)
4	Nihonkeizai	2.388 (833)	14	Ritsumeikan	1.243 (1.230)
5	Kyusyu	1.713 (1.509)	15	Osakasangyo	1.212 (1.284)
6	Tsukuba	1.697 (1.522)	16	Keiogizyuku	1.187 (1.053)
7	Osaka	1.662 (1.509)	17	Takusyoku	1.166 (1.195)
8	Kyoto	1.530 (1.407)	18	Hokkaido	1.162 (990)
9	Tohoku	1.511 (1.344)	19	Kobe	1.146 (1.043)
10	Nagoya	1.501 (1.344)	20	Chiba	1.068 (957)

Nguồn: Điều tra của tổ chức JASSO

Số lượng người nước ngoài hiện đang học tập tại Nhật Bản đạt mức kỷ lục trong năm 2010. Theo số liệu của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), có 141.774 sinh viên nước ngoài đến học tập tại Nhật Bản trong năm 2010, tăng 6,8%, tức khoảng hơn 9.000 sinh viên so với năm 2009 (xem bảng 2). Ở chiều ngược lại, theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục Nhật Bản, số sinh viên Nhật ra nước ngoài học tập trong năm 2008

là 66.833 sinh viên, giảm mức kỷ lục 11,1%, tức là ít hơn 8.323 sinh viên so với năm trước đó. Các quan chức ngành giáo dục cho rằng sinh viên Nhật Bản không muốn đi du học là do xu hướng hướng nội ở giới trẻ Nhật Bản. Thêm vào đó là việc cắt giảm chi phí giáo dục do suy thoái kinh tế kéo dài và sinh viên phải bắt đầu tìm kiếm việc làm sớm hơn.

Bảng 2: Số lượng lưu học sinh theo các bậc học năm 2010 so với năm 2009

Sau đại học	39.097	Tăng 10,4%
Đại học, cao đẳng	72.665	Tăng 8,3%
Các trường dạy nghề	27.872	Giảm 0,2%
Dự bị đại học	2.140	Giảm 6,7%

Nguồn: Điều tra của tổ chức JASSO

Theo JASSO, tính đến 1/5/2010, du học sinh người Trung Quốc đang đứng đầu với khoảng 86.173 người đang học tại Nhật, chiếm 60% tổng số sinh viên quốc tế tại Nhật Bản. Con số này đánh dấu mức cao kỷ lục, tăng gấp 2,7 lần so với thập kỷ trước. Hàn Quốc đứng thứ hai với 20.202 sinh viên du học Nhật Bản, tăng 3% so với năm trước, tiếp theo là Đài Loan với 5.297 sinh viên, giảm nhẹ 0,7% (xem bảng 3).

Số lượng du học sinh Việt Nam đang học tại Nhật Bản đang ngày càng tăng cao, hiện có tổng cộng 3.597 sinh viên Việt học ở đất

nước hoa anh đào, tăng 12,4% so với năm 2009. Nhật Bản đã trở thành một lựa chọn lý tưởng cho các bạn trẻ Việt Nam khi có ý định du học nước ngoài bởi ngoài nét văn hóa khá tương đồng thì Nhật Bản còn có nền giáo dục tiên tiến, chất lượng cao và mức học phí, chi phí sinh hoạt lại tương đối rẻ hơn so với các nước khác như Mỹ, Anh... Tuy nhiên, một điều khó khăn cho các du học sinh là phải chuẩn bị vốn tiếng Nhật thật tốt nếu muốn du học tại Nhật Bản bởi đa số các trường đại học ở đây đều dạy bằng tiếng Nhật.

Bảng 3: Số lượng lưu học sinh tại Nhật Bản năm 2010 so với năm 2009

Trung Quốc	86.173	Tăng 9,0%
Hàn Quốc	20.202	Tăng 3,0%
Đài Loan	5.297	Giảm 0,7%
Việt Nam	3.597	Tăng 12,4%
Malaysia	2.465	Tăng 2,9%

Nguồn: Điều tra của tổ chức JASSO

Trong tổng số sinh viên nước ngoài du học Nhật Bản, khoảng 92,4% sinh viên đến từ khu vực Châu Á, sinh viên đến từ Châu Âu chiếm 3,1%, và 1,9% sinh viên đến từ Bắc Mỹ. Việc Trung Quốc đứng đầu về số sinh viên du học tại Nhật Bản phù hợp với xu hướng tương tự ở Mỹ. Năm 2009, Trung Quốc đã vượt qua Ấn Độ, trở thành nước có lượng sinh viên du học Mỹ đông nhất. Điều này phản ánh rằng Trung Quốc với nền kinh tế không lồ đang rất chú trọng đến việc đào tạo sinh viên ở nước ngoài. Ở khía cạnh khác, có ý kiến cho rằng việc số lượng người Trung Quốc có trình độ đại học ngày càng tăng cao đã khiến cho nhiều người càng cố gắng phát triển các cơ hội nghề nghiệp ở

nước ngoài để có thể thành công trong công cuộc tìm việc khắc nghiệt ở quê nhà.

Trong tương lai, số lượng lưu học sinh sẽ tiếp tục tăng bởi Chính phủ Nhật Bản đã có kế hoạch tăng số lượng sinh viên quốc tế tại nước này lên khoảng 300.000 sinh viên vào năm 2020, đồng thời hỗ trợ nguồn tài chính cho những trường đại học tiếp nhận sinh viên quốc tế. Ngày 29/7/2008, kế hoạch “300.000 lưu học sinh” đã được trình bày tại một cuộc họp nội các của Chính phủ Nhật Bản, với sự tham gia của các bộ như Bộ Giáo dục - Văn hóa - Thể thao - Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Kinh tế - Thương mại và Công nghiệp, Bộ Lãnh thổ - Giao thông,... dưới sự chủ trì của

thù tướng lúc đó là ông Fukuda. Kế hoạch này là một phần trong chiến lược phát triển toàn cầu nhằm đáp ứng nhu cầu của Nhật Bản trong việc mở rộng dòng chảy nguồn nhân lực, tiền tệ, hàng hóa và thông tin ở khu vực Châu Á cũng như trên thế giới... Theo đó, kế hoạch cũng hướng tới xây dựng, đóng góp trí tuệ, tri thức cho quốc tế thông qua chiến lược giành được những sinh viên quốc tế xuất sắc.

2. Lưu học sinh tham gia lực lượng lao động

Các khảo sát cho thấy vấn đề khó khăn nhất mà lưu học sinh phải đối mặt khi học tại Nhật Bản là vấn đề kinh tế². Nguồn tài chính của lưu học sinh là từ học bổng hoặc tư phí (do cha mẹ cung cấp và tự đi làm thêm). Để phân tích rõ hơn có thể tìm hiểu các dạng nguồn tài chính của lưu học sinh như sau.

Lưu học sinh quốc phí: Đây là những người nhận học bổng từ Bộ Văn hóa Giáo dục Nhật Bản. Hàng tháng, ngoài tiền học phí, những sinh viên bậc đại học được nhận 14 vạn yên, nghiên cứu sinh bậc thạc sĩ hoặc tiến sĩ nhận khoảng 18 vạn yên (tùy theo tình hình mỗi năm, con số này có thể thay đổi chút ít). Ngoài ra, chi phí đến Nhật Bản và về nước khi kết thúc khóa học cũng được chi trả. Cuộc sống của lưu học sinh dạng này được đảm bảo nhưng số lượng không nhiều. Điều tra năm 2004 cho thấy có 9.806 lưu học sinh quốc phí, chiếm 10% tổng số lưu học sinh, còn phần lớn lưu học sinh đi học bằng nguồn tư phí.

Lưu học sinh tư phí: So với lưu học sinh quốc phí, cuộc sống của lưu học sinh tư phí

vất vả hơn rất nhiều. Có những người được cha mẹ chu cấp đầy đủ mọi khoản tiền, nhưng phần lớn là dạng đi làm thêm để trang trải học phí và sinh hoạt hàng ngày. Cũng có những hình thức học bổng dành cho lưu học sinh tư phí nhưng với xu hướng gia tăng mạnh mẽ số lượng lưu học sinh, có thể nói những hình thức học bổng này là quá ít.

Lưu học sinh do chính phủ cung cấp học bổng: Cụ thể là chính phủ các nước Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Singapore, Ả rập, Kuwait, Uzbekistan, Lào, Việt Nam, Campuchia, Mông cổ, Myanmar, Bangladesh, Hàn Quốc cung cấp học bổng cho sinh viên du học tại Nhật Bản. Số lượng lưu học sinh dạng này ít, chỉ có 1.906 người theo điều tra năm 2004³.

Qua tìm hiểu thực tế đời sống của lưu học sinh, có thể thấy những học sinh du học bằng tư phí có cuộc sống vất vả, họ không có tiền phải tích cực đi làm thêm, tiết kiệm trong chi tiêu hàng ngày để đảm bảo một cuộc sống tối thiểu. Những sinh viên được nhận học bổng toàn phần thì có một cuộc sống tương đối dễ chịu, có thể toàn tâm toàn ý cho công việc học tập, nhưng những sinh viên dạng này chỉ chiếm một phần nhỏ. Đương nhiên ở đây không đề cập đến những sinh viên con nhà giàu, hàng tháng được cha mẹ cung cấp đầy đủ từ tiền học phí đến chi tiêu hàng ngày. Thậm chí có những người đi học bằng xe hơi loại đắt tiền, sống trong những ngôi nhà đầy đủ tiện nghi. Nhà nghiên cứu Takamatsu Satoshi (高松里) của trường Đại học Kyusyu đã kể câu chuyện rằng, ông đến Indonesia vào thăm nhà một người nguyên là

² 日本の外国人留学生労働者と雇用問題, p57

³ 日本に住む外国人留学生 Q&A, p.44

lưu học sinh tại Nhật Bản và ngỗ ngàng về mức độ giàu có của gia đình này.

Nhật Bản là quốc gia có vật giá đắt nhất thế giới, khoảng cách kinh tế so với hầu hết các quốc gia Châu Á còn lại là rất lớn. Người ta tính rằng để có một mức sống tối thiểu bao gồm tiền thuê nhà, tiền ăn uống sinh hoạt hàng ngày, cần một tháng khoảng 8 vạn yên. Nếu bố mẹ không phải là gia đình

giàu có thì không thể chu cấp cho lưu học sinh khoản tiền này hàng tháng. Đó là chưa kể tiền học phí và những khoản tiền phát sinh khác. Các điều tra về cuộc sống của lưu học sinh do JASSO tiến hành cho thấy chi phí trung bình của 1 lưu học sinh khoảng 138.000 yên một tháng (tùy theo bậc học và vùng sinh sống mà có sự khác nhau, xem bảng 4 và 5).

Bảng 4: Chi phí cho cuộc sống của lưu học sinh năm 2009 so với các năm trước

Đơn vị: nghìn yên

	Bậc tiến sĩ	Bậc thạc sĩ	Chuyên môn sau đại học	Dự bị sau đại học	Bậc đại học	Dự bị đại học	Đại học ngắn hạn	Trường chuyên môn	Trung bình
Trung bình tháng	136	127	153	113	136	123	151	149	138
Năm 2007	130	128	146	111	140	131	133	150	138
Năm 2005	127	127		138	134	109	137	151	136

Nguồn: Điều tra của JASSO

Bảng 5: So sánh chi phí giữa các vùng

Đơn vị: nghìn yên

	Hokkaido	Tohoku	Kanto	Tyubu	Kinki	Tyugoku	Sikoku	Kyusyu	Tokyo	Trung bình
Năm 2009	114	110	154	127	134	118	111	114	160	138
Năm 2007	118	111	152	132	133	121	100	115	155	138
Năm 2005	122	111	150	124	134	120	110	110	154	136

Nguồn: Điều tra của JASSO

Sinh hoạt phí đắt đỏ nên lưu học sinh tại Nhật Bản buộc phải đi làm thêm. Điều tra năm 2009 của JASSO về thực trạng đi làm thêm của lưu học sinh tại Nhật Bản phản ánh rõ thực tế này. Có những lưu học sinh có thể

tự trả tiền học phí và chi phí hàng ngày nhưng đổi lại cuộc sống của họ hoàn toàn không có sự rảnh rỗi, thậm chí luôn trong sự mệt mỏi.

Bảng 6: Tỷ lệ lưu học sinh đi làm thêm năm 2009

	Có làm thêm	Không làm thêm	Không rõ	Tổng số
Số người	4.531	1.428	45	6.004
Tỷ lệ (%)	75,5	23,8	0,7	100,0
Năm 2007 (%)	80,9	18,2	0,9	100,0
Năm 2005 (%)	84,4	15,6	-	100,0

Nguồn: Điều tra của JASSO

Số liệu bảng trên cho thấy số lượng lưu học sinh đi làm thêm chiếm một tỷ lệ lớn (75,5%). Tương quan giữa việc lưu học sinh đi làm thêm và loại trường đang theo học

không có khác biệt lớn (bảng 7). Có thể nói làm thêm là một phần tất yếu trong cuộc sống, thể hiện tính độc lập và tự chủ về kinh tế của lưu học sinh tại Nhật Bản.

Bảng 7: So sánh tỷ lệ lưu học sinh làm thêm và loại trường

	Đại học				Đại học ngắn hạn	Trường chuyên môn	Không rõ	Tổng số
	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng số				
Số người	722	112	2.376	3.210	72	1.249	0	4.531
Tỷ lệ (%)	63,7	79,4	79,4	75,2	72	76,3	0	75,5
Năm 2007 (%)	67,8	84,9	85,2	80,8	89,1	80,5	84,2	80,9
Năm 2005 (%)	72,0	79,1	87,6	83,5	88,9	86,9	86,4	84,4

Nguồn: Điều tra của JASSO

Về mặt hình thức, lưu học sinh đến Nhật Bản là để học tập, không phải với mục đích đi làm để kiếm tiền, nhưng thực tế ngoài học tập lưu học sinh được phép đi làm. Theo qui định, lưu học sinh được làm thêm 28 giờ một tuần, phải có sự đồng ý của nhà trường và thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- (1) Không làm ảnh hưởng đến việc học.
- (2) Mục đích của việc đi làm thêm là dành tiền trang trải học phí và các chi phí cần thiết

khác chứ không phải đi làm để dành tiền và gửi về nhà.

(3) Không làm các công việc xấu ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, tập quán và tư cách đạo đức của du học sinh.

(4) Không làm các công việc như buôn bán các mặt hàng tiêu dùng v.v...

Có nhiều loại hình công việc mà lưu học sinh có thể làm như lĩnh vực giảng dạy, văn phòng, lao động nặng, lao động nhẹ và các công việc chuyên môn đặc thù (xem bảng 8).

Bảng 8: Các loại hình việc làm thêm của lưu học sinh

	Giảng dạy				Văn phòng		Lao động nhẹ					
	Gia sư	Ngoại ngữ	Học thêm	Trợ lý	Thông thường	Kế toán	Dọn dẹp	Bảo vệ	Quản lý tòa nhà	Cây xăng	Phân phát	Chuyển phát
Số người	143	297	60	334	134	22	163	11	3	8	69	24
Tỉ lệ (%)	3,2	6,6	1,3	7,4	3,0	0,5	3,6	0,2	0,1	0,2	1,5	0,5
Năm 2007 (%)	3,8	10,5	0,8		5,9	1,2	4,0	0,4	0,3	0,4	2,2	0,5
Năm 2005 (%)	3,6	8,9	0,6		5,3	0,9	5,9	0,4	0,1	0,4	2,7	1,1

	Lao động nhẹ				Lao động nặng				Kỹ năng chuyên môn			Khác
	Dịch vụ ăn uống	Bán hàng	Lễ tân	In ấn, xuất bản	Xây dựng	Vận chuyển	Khu vực sản xuất	Kho hàng	Biên dịch, thông dịch	Quản trị mạng	Thiết kế đồ họa	
Số người	2.345	1.154	311	13	7	14	161	39	170	26	20	133
Tỉ lệ (%)	51,8	25,5	6,9	0,3	0,2	0,3	3,6	0,9	3,8	0,6	0,4	2,9
Năm 2007 (%)	55,1	17,8		0,3	0,3	0,4	4,6	1,0		1,7	1,1	9,7
Năm 2005 (%)	55,0	16,5		0,9	0,3	0,2	4,4	0,9		1,7	0,3	4,5

Nguồn: Điều tra của JASSO

Có thể thấy rằng lưu học sinh chủ yếu làm thêm tại các ngành dịch vụ ăn uống và bán hàng, ít người tham gia vào các ngành lao động nặng hoặc đòi hỏi kỹ năng chuyên môn đặc thù. Theo *Thông báo về tình trạng việc làm của người lao động nước ngoài*, trong số những người nước ngoài có chế độ cư trú là sinh viên đại học và dự bị đại học đang làm việc theo giấy phép thực hiện các công việc khác ngoài chế độ cư trú, 48,6% đang

làm việc tại khách sạn hoặc các ngành dịch vụ ăn uống, 22,5% làm việc trong các cơ sở bán buôn và bán lẻ và 5,1% làm việc trong lĩnh vực chế tạo. Điều này cũng dễ hiểu bởi ngành dịch vụ ở một nước phát triển như Nhật Bản chiếm tỉ lệ lớn và những công việc mà lưu học sinh làm không đòi hỏi trình độ quá cao.

Mặt khác, dân số Nhật Bản đang già hóa, lực lượng lao động bị thiếu hụt đang là mối

TÀI LIỆU THAM KHẢO

lo ngại đối với Nhật Bản trong tương lai. Những số liệu thống kê cho thấy, năm 2010 Nhật Bản thiếu khoảng 3.700.000 người lao động, năm 2015 khoảng 8.700.000 người và đến năm 2020 con số này sẽ là 12.200.000 người⁴. Bởi vậy, có thể nói lưu học sinh như là một nguồn nhân lực bù đắp sự thiếu hụt lao động, đặc biệt là các công việc giản đơn, tại Nhật Bản hiện nay.

Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận thấy mặt trái của vấn đề làm thêm của lưu học sinh. Công việc làm thêm quá bận rộn và vất vả, nhiều lưu học sinh không dám bảo được giờ học trên lớp. Có người thường xuyên đến muộn, thậm chí không đến lớp. Họ không có đủ thời gian để tham gia các hoạt động ngoại khóa như những sinh viên Nhật Bản khác, giờ học vừa kết thúc là vội vàng đến nơi làm thêm. Nhiều sinh viên có năng lực nhưng do đi làm thêm mà kết quả học tập không có sự tiến triển. Ngoài ra không ít trường hợp đến Nhật Bản du học chỉ là để có visa lưu trú, còn mục đích chính là đi làm thêm kiếm tiền. Không phải ngẫu nhiên mà trong các tờ rơi tuyển du học sinh luôn nhấn mạnh đến việc lưu học sinh có thể đi làm thêm. Hiện nay, số lượng học sinh Việt Nam sang Nhật Bản du học ngày càng tăng và rất nhiều công ty hướng tới lĩnh vực du học để nắm bắt xu hướng này, do đó vấn đề làm thêm của lưu học sinh cần được nhìn nhận thấu đáo hơn nữa.

1. 高松里 (2005), *日本に住む外国人留学生 Q&A*. 解放出版社.
2. 平成 21 年度私費外国人留学生生活実態調査概要, <http://www.jasso.go.jp/scholarship/ryujchosa21.html>.
3. 平成 22 年度外国人留学生在籍状況調査結果 http://www.jasso.go.jp/statistics/intl_student/data10.html.
4. Thông báo về Tình hình Việc làm của người lao động nước ngoài, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội Nhật Bản (cuối tháng 10 năm 2009).
5. 守屋貴司(2011). *日本の外国人留学生・労働者と雇用問題—労働と人材のグローバル化と企業経営*. 晃洋書房.
6. 小野五郎 (2008). *外国人労働者受け入れは日本にダメにする*. Yosensha Paperbacks.

⁴ 外国人労働者受け入れは日本をダメにする. p104